

MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG TRIẾT HỌC TÔN GIÁO CỦA GOTTHOLD EPHRAIM LESSING (1729 - 1781)

NGÔ THỊ MỸ DUNG*

Là một trong những nhà tư tưởng nổi tiếng của thời kỳ Khai sáng Đức, Gotthold Ephraim Lessing (1729 - 1781) đã để lại cho nhân loại nhiều tư tưởng có giá trị. Ông không chỉ là một nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình nghệ thuật mà còn là nhà triết học tôn giáo với một số quan điểm nổi bật. Niềm tin vào lý tính con người, đề cao tinh thần khoan dung và chống lại định kiến giáo điều là những đặc trưng cơ bản của triết học tôn giáo Lessing. Bài viết phân tích một số nội dung tư tưởng trong triết học tôn giáo của ông như lý tính của con người và vấn đề tôn giáo; vấn đề tôn giáo và đạo đức.

Từ khóa: Gotthold Ephraim Lessing; triết học tôn giáo Gotthold Ephraim Lessing

Nhận bài ngày: 22/6/2020; đưa vào biên tập: 28/6/2020; phản biện: 4/7/2020; duyệt đăng: 22/7/2020

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thời đại Khai sáng (die Aufklärung) quyết định đời sống trí tuệ Châu Âu từ cuối thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, và được định hình bởi niềm tin lý trí của con người có thể giúp sự thật chiến thắng, những giáo điều cùng với chính quyền truyền thống phải được khắc phục. Đặc trưng của thời đại này là sự

tự do và tiến bộ gắn liền với khái niệm về quyền con người, chống lại sự độc đoán, giáo điều và định kiến Giáo hội.

Với tư cách là một trong những đại diện quan trọng nhất của phong trào Khai sáng Đức, Lessing đặc biệt đề cao vai trò lý tính của con người, và cho rằng, lý tính suy cho cùng, quyết định cái gì có thể là nội dung của tôn giáo, cái gì không. Với ông, tôn giáo không bao giờ là cái cuối cùng, mà là các giai đoạn phát triển khác nhau trên con đường tiến lên của cuộc sống

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

nhân loại. Chính tinh thần con người uốn nắn con người, và vẫn mãi mãi tiến bước trên con đường dài mà mỗi sự trở thành trên con đường ấy lại bị vượt qua. Tôn giáo dưới hình thức Do Thái giáo, Cơ Đốc giáo và Hồi giáo một mặt là nguồn gốc lịch sử, mặt khác là các giai đoạn khác nhau cần phải vượt qua vì một tôn giáo độc lập về lý tính. Những tác phẩm triết học tiêu biểu của ông bàn về tôn giáo như: *Kitô giáo của lý tính (Das Christentum der Vernunft)* (1753), *Về sự hình thành của tôn giáo mặc khải (Über die Entstehung der geoffenbarten Religion)* (1755), *Giáo dục của nhân loại (Die Erziehung des Menschengeschlechts)* (1780) đã để lại dấu ấn sâu sắc trong đời sống tinh thần của dân tộc Đức cho đến nay. Những bài viết trên của Lessing được Wilfried Barner (1937 - 2014) biên tập và đưa vào tập 7, tập 8 của tuyển tập *Gotthold Ephraim Lessing: Tác phẩm và thư từ* (14 tập), phát hành năm 2003.

Dựa vào những tác phẩm trên, bài viết phân tích một số nội dung cơ bản trong tư tưởng triết học tôn giáo của Lessing, như lý tính của con người và vấn đề tôn giáo, vấn đề tôn giáo và đạo đức.

2. LÝ TÍNH CỦA CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ TÔN GIÁO

Nội dung cơ bản của thời kỳ khai sáng Đức thế kỷ XVIII về tôn giáo luôn gắn liền với việc giải quyết mối quan hệ giữa tri thức và đức tin. Để giải quyết vấn đề này, các nhà triết học Đức đã đi tìm lời giải cho câu hỏi về năng lực

nhận thức của con người. Câu hỏi thường được đặt ra là, con người có thể nhận thức được Thượng đế không, hay Ngài là một bí ẩn huyền thoại của giáo điều Thiên Chúa về mặc khải.

Christian Wolff (1679 - 1754) – một trong những triết gia của phong trào Khai sáng Đức - đã lập luận: lý tính thống trị trên thế giới và trong mọi lĩnh vực của cuộc sống con người. Tất cả hiện tượng của thế giới đều có thể giải thích và nhận thức được bằng lý tính, giữa lý tính và lòng tin không có sự mâu thuẫn, vì vậy, con người vừa có thể nhận thức chân lý vừa có thể thực hiện niềm tin tôn giáo của mình để vươn tới sự hoàn thiện - mục đích cao cả của mỗi con người và cả loài người (C. Wolff, 1980: 47).

Kế thừa tư tưởng của Wolff và các bậc tiền bối, Lessing (2003) cũng đề cao vai trò của lý tính con người. Ông cho rằng sự độc lập, tự quyết của ý chí do lý tính dẫn dắt, quyết định hoạt động đời sống tinh thần của con người. Niềm tin vào lý tính, vào sức mạnh tinh thần của con người, để từ đây phục vụ cho mục đích cao cả vì con người và hạnh phúc loài người, là nội dung quan trọng của triết học Lessing.

Theo Lessing, nhận thức của con người luôn thay đổi, vì vậy, không tồn tại chân lý vĩnh cửu. Nhận thức con người luôn là sự vươn tới chân lý và chính quá trình cố gắng vươn tới chân lý làm nên giá trị của con người. Sự bất tử của nhân loại và của mỗi con người nằm trong sự vươn tới vĩnh

cửu của chân lý (dẫn theo J. Hirschberger, 1991: 264). Chính trong sự vươn lên không ngừng này con người cảm nhận được tính bất tử của nhân loại và của cả chính mình (Unsterblichkeit der Menschheit und auch des einzelnen Menschen). Trong sự tái sinh luôn luôn mới mẻ, con người đang tham dự vào tiến trình hoàn thiện vô hạn, tất cả đều tương đối, giới hạn, chỉ có lý tính là vô cùng.

Hình ảnh con người lý tính của Lessing là hình ảnh con người sống dậy thời phục hưng và trở nên tiêu biểu cho thời Khai sáng nói chung và Khai sáng Đức nói riêng. Gottfried Wilhelm von Leibniz (1646 - 1716) đã sử dụng “ý niệm vô hạn” khi nói về tri thức con người, theo đó tri thức chúng ta chỉ có thể tiếp cận những giá trị gần đúng về đối tượng mà không nắm bắt trọn vẹn được bản thể của đối tượng, bởi vì tinh thần con người vốn luôn là “sự hữu hạn trong hiện sinh của nó”, chỉ tham dự một phần nào vào những ý niệm bản thể vĩnh cửu mà thôi (L. Bernd, 1995: 498).

Chịu sự ảnh hưởng của Baruch Spinoza (1632 - 1677) về sự thống nhất của Thượng đế và tự nhiên, Lessing (2003: 234) cho rằng: Thượng đế là một thực thể hoàn hảo (das vollkommenste Wesen), những gì Thượng đế tưởng tượng, Ngài cũng tạo ra, và trong tất cả sự hoàn hảo của sự tưởng tượng của mình, Ngài đã tạo một con người hoàn hảo, đó chính là con trai Ngài, chính là Ngài hay một “hình ảnh giống Ngài”. Không những thế ông còn

khẳng định rằng, không thể có hai hiện thực, một ở trong và một ở ngoài Thượng đế. Hai chính là một, và tất cả, những gì tồn tại ngoài Thượng đế, cũng tồn tại trong Thượng đế (Beide Wirklichkeiten seien eins, und alles, was außer Gott existieren soll, existiere in Gott).

Theo Lessing (2003: 234), trong các hình thức của tôn giáo, tôn giáo tích cực nhất là tôn giáo tự nhiên, mặc dù nó là hình thức thấp nhất. Sự nghi ngờ của ông dành cho Kitô giáo, bởi “nếu Chúa là người thật, nếu Ngài đã thực sự là người, Ngài sẽ không bao giờ bỏ cuộc, để luôn là một con người”.

Trong *Kitô giáo của lý tính* (1753), Lessing (2003: 198) lập luận rằng Thượng đế được hiểu như là nguyên tắc sáng tạo, chứ không hiểu theo nghĩa bên ngoài thế giới: “Thượng đế phân chia sự hoàn thiện của Ngài trong những thực thể”, và “tất cả thực thể liên kết với nhau gọi là thế giới”, trong đó “sự vô cùng (vĩnh cửu) là không thể tranh cãi”. Những thực thể được Thượng đế tạo ra là những “thực thể đơn giản”, là “vị thần hạn chế” (G.E. Lessing, 2003: 200). Sự hoàn hảo của chúng cũng phải tương tự như sự hoàn hảo của Thượng đế. Dấu hiệu của sự hoàn hảo của Thượng đế thể hiện trong nhận thức và khả năng hành động và điều đó chỉ có ở “thực thể đạo đức” (moralisches Wesen), nghĩa là ở con người.

Với Lessing, nhận thức của con người và niềm tin tôn giáo không mâu thuẫn

với nhau. Ngay từ ban đầu sự mặc khải dẫn dắt lý trí của con người nhưng đến một giai đoạn nhất định, lý trí của con người sẽ soi sáng mặc khải. Ông cho rằng, sự tiến triển của các hình thức tôn giáo khác nhau tương ứng với trình độ phát triển của lý tính loài người. Đó là một quá trình phát triển từ thấp lên cao của tư duy nhân loại, từ “tôn giáo tự nhiên” đến “tôn giáo tích cực” và kết thúc trong “tôn giáo của lý tính”.

3. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO VÀ ĐẠO ĐỨC

Lessing (2003: 280) cho rằng mỗi người đều liên hệ (kết nối) với một “tôn giáo tự nhiên” (natürliche Religion). Sự đa dạng của tín ngưỡng tôn giáo được hình thành với việc thành lập xã hội dân sự nhằm tạo ra một “tôn giáo tích cực” (positive Religion). Tuy nhiên tôn giáo tốt nhất là tôn giáo chứa đựng ít nhất sự bổ sung đối với tôn giáo tự nhiên và hạn chế ít nhất sự ảnh hưởng tốt của tôn giáo tự nhiên” (G.E. Lessing, 2003: 281).

Theo Lessing (2003: 283) “tôn giáo tự nhiên” là những hình thức tín ngưỡng tôn giáo khác nhau được hình thành trong “trạng thái tự nhiên” (Naturzustand), trước khi có khế ước xã hội. Trong “tôn giáo tự nhiên”, thực thể tối cao là kết quả của sự sáng tạo lý trí của con người và mọi niềm tin mâu thuẫn với lý trí đều bị từ chối. Khác với “tôn giáo tự nhiên”, “tôn giáo tích cực” được hình thành thông qua khế ước xã hội. Đó là một quá trình chuyển đổi tương tự như sự chuyển đổi từ luật tự nhiên (Naturrecht) sang luật tích cực (positives

Recht). “Tôn giáo tích cực” đặt niềm tin vào sự mặc khải, và Kinh thánh, ngụ ngôn, phép lạ... được xem là những sự thật và sự giáo điều của nó là không thể bị nghi ngờ (G.E. Lessing, 2003: 284).

Với Lessing, điều quan trọng nhất của một tôn giáo là nội dung tinh thần của nó được thể hiện thông qua hành vi đạo đức của con người. Sự tiến triển của ý thức đạo đức không chỉ thông qua sự tồn tại của các hình phạt, mà còn thông qua hình thức khác có thể đem lại hiệu quả hơn, đó là phần thưởng. Tuy nhiên, sự thưởng, phạt, chỉ là những khái niệm tương đối, bởi quan niệm tốt, xấu được đánh giá khác nhau giữa người giàu và người nghèo (G.E. Lessing, 2003: 470). Ông nhấn mạnh tính tương đối của thiện và ác. Hình phạt và phần thưởng trong Thiên Chúa giáo thể hiện rõ trong khái niệm vĩnh cửu về địa ngục và thiên đường. Theo Lessing (2003: 482), người tốt nhất vẫn còn có nhiều cái xấu người tồi tệ nhất vẫn có nhiều cái tốt; ở thiên đường hay địa ngục, sau khi chết con người vẫn mang theo cái tốt và cái xấu. Vì vậy, tốt và xấu phải được hiểu là một quá trình, trong đó mặt tích cực và tiêu cực tác động, chuyển hóa lẫn nhau. Do đó, quan điểm cho rằng có một hình phạt vĩnh cửu (xuống địa ngục) được phổ biến cho tất cả các tôn giáo là hoàn toàn sai. Đây là bút chiến của Lessing nhằm nỗ lực xây dựng một đạo đức nhân văn (humanistische Moralität).

Lessing (2003: 652) cho rằng Kitô giáo không phải “là một tôn giáo thực tiễn hợp lý” (als eine vernünftige praktische Religion). Đạo đức được xây dựng dựa trên lý tính và không phải là kết quả mang tính cưỡng chế của sự mặc khải tôn giáo. “Lý tính mạnh khỏe và luật tự nhiên” là “cội nguồn thực sự của tất cả các bổn phận (trách nhiệm) và đức hạnh” (Die gesunde Vernunft und das Naturgesetz seien die eigentliche Quelle aller Pflichten und Tugenden) (G.E. Lessing, 2003: 657).

Theo Lessing, sự lan tỏa của Kitô giáo phụ thuộc vào sự giải thích về Kinh thánh và sự mâu thuẫn trong việc giải thích vì những mục đích khác nhau đã dẫn đến những xung đột tôn giáo trong thực tiễn xã hội. Ông không chấp nhận sự xuyên tạc về Kinh thánh vì bất kỳ mục đích nào, hay việc đàn áp dị giáo ở các nước Công giáo, bởi điều đó thể hiện sự không khoan dung, trái ngược với tinh thần Kitô giáo. Tất cả đức tin phải tin vào lý tính và sự đàn áp tinh thần tự do là không thể chấp nhận.

Đỉnh cao của những lời chỉ trích tôn giáo của Lessing nằm trong bài *Giáo dục của nhân loại* (Die Erziehung des Menschengeschlechts) được viết vào năm 1777 và xuất bản lần đầu vào năm 1780. Theo đó, tôn giáo được Lessing hiểu là một hình thức lịch sử của sự phát triển ý thức con người và là một nguyên tắc của giáo dục xã hội (historische Form der Entwicklung des menschlichen Bewusstseins und als

gesellschaftliches Erziehungsprinzip). Ông phủ nhận tất cả các tôn giáo lập luận dựa trên sự mặc khải và đức tin, bác bỏ xu hướng giải thích sự giác ngộ của tôn giáo thông qua sự đối trá. Quá trình phát triển của sự khai sáng là “giáo dục” đầy đủ cho con người từ thời trẻ thơ về niềm tin vào thẩm quyền quyết định của lý tính dựa trên cái nhìn sâu sắc hợp lý đến khi trưởng thành.

Lessing (2003: 591) cho rằng nội dung của mặc khải thần linh là giáo dục đạo đức cho nhân loại. Sự tiến hóa của nhân loại, thực chất là một quá trình giáo dục, một quá trình tiến triển tiềm năng bên trong của nhân loại (immanenten Potenzen der Menschheit), một quá trình đào tạo kỹ năng phổ quát. Tôn giáo chỉ là một phương tiện đơn thuần của kế hoạch giáo dục phổ quát này.

Quá trình giáo dục đạo đức cho nhân loại - theo Lessing - trải qua ba giai đoạn. Giai đoạn phát triển ban đầu, mặc khải đã dạy những nguyên tắc đạo đức thông qua hình phạt và phần thưởng trực tiếp cảm tính (unmittelbare sinnliche Strafen und Belohnungen) (G.E. Lessing, 2003: 594). Do Thái giáo và Cựu ước (*Kinh Tanakh*) là nền tảng cơ bản của giáo dục ở giai đoạn tuổi thơ. Người Do Thái tuân thủ, vâng phục với luật lệ của Thiên Chúa giáo, bởi vì đây là tôn giáo độc thần.

Lessing lập luận rằng, với sự mở rộng hiểu biết của con người cùng với sự tiến bộ về tinh thần của loài người, lý

trí bắt đầu trở thành nguyên tắc cai trị. “Sự mặc khải đã dẫn dắt lý trí của con người, và bây giờ lý trí đột nhiên chiếu sáng sự mặc khải” (Die Offenbarung hatte seine Vernunft geleitet, und nun erhellte die Vernunft auf einmal seine Offenbarung) (G.E. Lessing, 2003: 599). Bước quan trọng thứ hai trong sự giáo dục đạo đức của nhân loại đã diễn ra với sự xuất hiện của Kitô giáo. Ở giai đoạn này, “Chúa Kitô trở thành người thầy đáng tin cậy, thực tế đầu tiên về sự bất tử của linh hồn” (Christus ward der erste zuverlässige, praktische Lehrer der Unsterblichkeit der Seele) (G.E. Lessing, 2003: 605). Hình phạt và phần thưởng ở giai đoạn này không còn là trực tiếp nữa mà được chuyển sang thế giới bên kia. Theo ông (2003: 610), Kitô giáo đã tác động tốt đến động cơ đạo đức của con người và giáo lý của Ngài là “hội chuông thông báo hướng đi mới cho lý trí con người”. *Tân ước* cũng chứng minh là những sự thật của lý tính. Những lời dạy của bộ ba thần thánh (cha, con và thánh thần) về tội lỗi nguyên thủy là cốt lõi đạo đức trong giai đoạn này và *Tân ước* là “cuốn sách thứ hai tốt nhất cho nhân loại” (G.E. Lessing, 2003: 607).

Trong giai đoạn thứ ba, sẽ không còn phần thưởng và hình phạt nào nữa vì lý tính của con người phát triển đến mức mọi người làm điều tốt vì nó tốt. Lessing (2003: 609) cho rằng ba giai đoạn này đi qua tất cả các dân tộc, vì vậy người ta có thể nhận ra mức độ phát triển lý tính của họ từ các hình

thức tôn giáo của chính họ. Như vậy khái niệm cuối cùng của Lessing về tôn giáo được lập luận dựa trên ý thức hành vi đạo đức - giai đoạn mà lý tính phù hợp với sự tự quyết của con người.

Nhìn chung triết học tôn giáo của Lessing chống lại niềm tin vào sự mặc khải và tin tưởng vào một “tôn giáo của lý tính”. Sự mặc khải thiêng liêng chỉ xuất hiện như một sự phản ánh của các giai đoạn phát triển tương ứng với sự phát triển của lý tính con người. Ông xem sự hình thành và phát triển của tôn giáo như một sự thật lịch sử, có giới hạn về thời gian, trong khi đó lý tính là vĩnh cửu. Sự phát triển của các hình thức tôn giáo phản ánh sự phát triển tích cực của lý tính loài người là luôn hướng tới sự hoàn thiện. Đối với ông, niềm tin vào một cuộc sống tốt đẹp hơn là một quy luật tự nhiên của con người.

Tư tưởng tôn giáo của ông, một mặt phê phán những quan điểm cực đoan, giáo điều về tôn giáo, mặt khác khẳng định tính lịch sử và những ảnh hưởng tích cực (lòng khoan dung, tình yêu thương) đối với đời sống tinh thần của con người, xem tôn giáo như là một hình thức không thể thiếu trong tiến trình phát triển của tinh thần - đạo đức loài người. Với *Giáo dục của nhân loại*, Lessing đã đánh dấu một quá trình giải thể (loại bỏ) thần học trong triết học của giai cấp tư sản Đức thế kỷ XVIII dựa trên nền tảng của tư tưởng triết học về quyền tự quyết của lý tính con người - hạt nhân tư tưởng phê bình tôn giáo của ông.

4. KẾT LUẬN

Là đại biểu xuất sắc của phong trào khai sáng Đức thế kỷ XVIII với những bài phê bình về văn học, quan điểm về tôn giáo và những công trình lý luận nghệ thuật nổi tiếng, Lessing đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử tư tưởng triết học Đức nói riêng và tinh thần của dân tộc Đức nói chung. Phê phán tôn giáo nhưng Lessing cũng nhìn nhận sự đóng góp của tôn giáo đối với tiến trình phát triển của lịch sử tinh thần nhân loại. Lessing cho rằng nội dung cốt lõi của tôn giáo là sự khoan dung cùng những giá trị đạo đức nhân văn, ông kiên quyết bác bỏ sự xuyên tạc về Kinh thánh cũng như

sự đàn áp dị giáo ở các nước Kitô giáo, bởi điều đó thể hiện sự không khoan dung, trái ngược với tinh thần Kitô giáo.

Với Lessing, tất cả đức tin phải tin vào lý tính con người, vì vậy, sự đàn áp tự do tinh thần là không thể chấp nhận được. Quan điểm tôn giáo của Lessing là giải phóng con người khỏi niềm tin mù quáng, giáo điều, bác bỏ sự mặc khải, xây dựng “tôn giáo của lý tính” mà mục đích của nó là giáo dục đạo đức cho nhân loại, hướng con người sống và hành động vì sự bình đẳng giữa các dân tộc và sự tôn trọng lẫn nhau. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Hirschberger, Johannes Hirschberger. 1991. *Geschichte der Philosophie (Lịch sử triết học)*. Bd. 2. Freiburg: Herder.
2. Lessing, Gotthold Ephraim Lessing. 2003. *Werke und Briefe (Tác phẩm và thư từ)*. 14 Bände. Hrsg. v. Wilfried Barner. Frankfurt am Main: Deutscher Klassiker.
3. Lutz, Bernd. 1995. *Metzler - Philosophen - Lexikon (Metzler - Các nhà triết học - Lexicon)*. Weimar: Metzler.
4. Wolff, Christian. 1980. *Grundsätze des Natur-und Völkerrechts (Những nguyên tắc cơ bản của luật tự nhiên và luật quốc tế)*. Bd. 19. Hildesheim: Newyord.